

Số: /KH-UBND

Hưng Yên, ngày tháng 12 năm 2025

KẾ HOẠCH
Thực hiện chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên năm 2026

Căn cứ các văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 27/8/2025 ban hành Chương trình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 19/5/2025 về việc thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên năm 2026, với những nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Bám sát các chủ trương, mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số tại các Nghị quyết, Kế hoạch, Quyết định của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và điều kiện thực tế của để triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phải cụ thể, sáng tạo, đột phá, thiết thực và khả thi, đảm bảo triển khai đồng bộ, đạt kết quả cao nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền hành chính nhà nước 02 cấp;

- Nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao các chỉ số cạnh tranh, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đáp ứng yêu cầu phục vụ người dân và doanh nghiệp, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội và đảm bảo an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Thể chế, chính sách số

Tiếp tục hoàn thiện các chính sách phục chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước, xây dựng Chính quyền số, Chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên.

b) Phát triển hạ tầng số

- Xây dựng và phát triển hạ tầng số với công nghệ mới nhất cho các khu vực trọng điểm (khu công nghiệp, khu công nghệ cao, đô thị thông minh...).

- Duy trì Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước mạng đảm bảo thông suốt, hoạt động ổn định đến 100% cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã.

- Đầu tư, nâng cấp, duy trì hoạt động của hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của các ngành, lĩnh vực.

c) Phát triển Chính quyền số

- 100% văn bản điện tử được ký số đầy đủ theo quy định của nhà nước (trừ văn bản mật thuộc phạm vi bí mật nhà nước) khi gửi, nhận trên môi trường mạng.

- 100% văn bản, hồ sơ công việc được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước

- 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 100% công tác báo cáo, các chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo tỉnh (không bao gồm nội dung mật) được tạo lập, cập nhật, lưu giữ, trên hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện số hóa hồ sơ, tài liệu, thực hiện toàn bộ các hoạt động xử lý hồ sơ, công việc, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, các ứng dụng tiện ích chất lượng cao phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị tại địa bàn tỉnh phục vụ cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp trên môi trường số.

- 70% cuộc giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý được thực hiện qua môi trường mạng (bằng hình thức báo cáo và trực tiếp trên các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh).

- Thực hiện xác thực điện tử bằng chữ ký số để đảm bảo an toàn thông tin, dữ liệu trong các giao dịch của hoạt động công vụ trên môi trường số, qua đó nâng cao độ tin cậy của dữ liệu và tăng tính công khai, minh bạch

d) Cung cấp thông tin, dịch vụ công phục vụ người dân và doanh nghiệp

- 90% thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.

- Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết bằng hình thức trực tuyến toàn trình đạt từ 80% trở lên (đối với các thủ tục hành chính cung cấp trực tuyến toàn trình); trên 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID đạt 100%.

- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100%

- Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%

- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt 100%

- 100% công/trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước tỉnh Hưng Yên cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

đ) Phát triển nền tảng số

- Triển khai các nền tảng số thông minh trong các ngành, lĩnh vực: du lịch, nông nghiệp, sản xuất, logistics, thương mại điện tử, giáo dục - y tế, đô thị, môi trường, ...

- Tiếp tục phát triển, nâng cấp Nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) để kết nối, chia sẻ dữ liệu các hệ thống thông tin của tỉnh với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của quốc gia và của các bộ, ngành Trung ương

- Phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn đối với các ngành, lĩnh vực quan trọng của tỉnh.

- Xây dựng danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh. Cung cấp 100% dữ liệu mở theo kế hoạch đã ban hành. Tích hợp, liên thông các cơ sở dữ liệu (dân cư, đất đai, doanh nghiệp...) trên nền tảng chung, tích hợp với AI, hạn chế trùng lặp, phân tán dữ liệu.

- Ứng dụng công nghệ giải quyết vấn đề môi trường, xã hội: Áp dụng giải pháp công nghệ (IoT, AI, GIS...) trong giám sát môi trường, quản lý tài nguyên. Thực hiện xây dựng các cơ sở dữ liệu nền tảng của các ngành; thực hiện chia sẻ, kết nối với các cơ sở dữ liệu của Bộ, ngành qua trục LGSP của tỉnh và NDXP quốc gia.

e) Phát triển kinh tế số, xã hội số

- Hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, ứng dụng các giải pháp số (quản lý, marketing, vận hành, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử...).

- Khuyến khích doanh nghiệp tham gia các chuỗi cung ứng số, xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ thông qua nền tảng số toàn cầu.

- Xây dựng, nâng cấp sàn thương mại điện tử cấp tỉnh hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm địa phương, kết nối doanh nghiệp trong nước và quốc tế.

- Triển khai các công cụ phân tích dữ liệu (Big Data, AI) để dự báo, đánh giá thị trường, nâng cao hiệu quả marketing.

- Phát triển thanh toán số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số, nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt đạt tối thiểu 80%.

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt tối thiểu 95%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt tối thiểu 60%.

- Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử đạt tối thiểu 95%.

f) Đảm bảo an toàn thông tin, phát triển nguồn nhân lực, đào tạo, tập huấn và tuyên truyền

- Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng trang thiết bị bảo mật cho các hệ thống thông tin đáp ứng yêu cầu về An toàn thông tin theo quy định. Kiện toàn đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin tỉnh.

- Ban hành quy chế bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin quan trọng. Tăng cường năng lực giám sát, cảnh báo sớm, ứng cứu sự cố an ninh mạng. Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố.

- 100% hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị trước khi đưa vào sử dụng phải xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.

- 100% các hệ thống thông tin của tỉnh được giám sát, cảnh báo về an toàn thông tin.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng cơ bản về kỹ năng số, an toàn thông tin.

II. NHIỆM VỤ

1. Nâng cao nhận thức số

a) Tiếp tục thực hiện tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số đến người dân thông qua các phương tiện thông tin đại chúng (truyền thanh, truyền hình, báo điện tử, mạng xã hội, ...)

b) Tổng hợp những cách làm điển hình về chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, người dân trên địa bàn tỉnh để thực hiện tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng những mô hình hiệu quả về thực hiện chuyển đổi số.

2. Xây dựng thể chế số

a) Rà soát, hoàn thiện và ban hành các chính sách, văn bản của tỉnh theo quy định nhằm đẩy mạnh chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

b) Xây dựng, cập nhật Khung kiến trúc số tỉnh Hưng Yên phù hợp với Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số.

c) Thường xuyên rà soát, kiện toàn tổ chức, bộ máy Ban Chỉ đạo phát triển khoa học kỹ thuật, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số các cấp để triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

3. Hạ tầng kỹ thuật

a) Bổ sung, nâng cấp hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin trong nội bộ các cơ quan Nhà nước: trang thiết bị công nghệ thông tin; hạ tầng mạng LAN; mạng Internet tốc độ cao;... đảm bảo các điều kiện cần thiết sẵn sàng cho triển khai ứng dụng các nền tảng số.

b) Duy trì Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh (IOC); Trung tâm

giám sát và điều phối an toàn thông tin (SOC).

c) Duy trì hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh đảm bảo hoạt động ổn định, thông suốt.

d) Duy trì Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của tỉnh, kết nối các cơ quan nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh để khai thác các hệ thống thông tin dùng chung phục vụ công tác chỉ đạo và điều hành...

4. Dữ liệu số

a) Tiếp tục phát triển, nâng cấp, hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu ngành, lĩnh vực, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh. Phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương cập nhật dữ liệu cho các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quy mô quốc gia phục vụ triển khai các dịch vụ liên quan đến người dân, doanh nghiệp, cơ quan nhà nước. Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước của tỉnh với các cơ quan nhà nước ở Trung ương.

b) Tiếp tục thực hiện lộ trình chuyển đổi số; số hóa tài liệu, xây dựng dữ liệu dùng chung của ngành, lĩnh vực, tạo lập kho dữ liệu dùng chung của tỉnh và tổ chức dữ liệu mở phục vụ xã hội.

5. Nền tảng số

a) Thực hiện kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu giữa các bộ, ngành Trung ương và các cơ quan, đơn vị trong tỉnh thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) phục vụ chuyển đổi số, nhất là trong giải quyết thủ tục hành chính giữa người dân, doanh nghiệp với cơ quan nhà nước các cấp.

b) Xây dựng, phát triển, thuê dịch vụ các hệ thống nền tảng số phục vụ chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của tỉnh.

c) Triển khai ứng dụng các nền tảng số dùng chung xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương, ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo để nâng cao chất lượng giải quyết công việc của cán bộ, công chức.

6. Nhân lực số

a) Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức; người dân trên địa bàn tỉnh về kiến thức và kỹ năng số cơ bản, chú trọng tới bồi dưỡng, tập huấn các kỹ năng ứng dụng, sử dụng các nền tảng số và an toàn thông tin.

b) Tổ chức các hội nghị, hội thảo về chuyển đổi số với các chuyên đề thiết thực, hiệu quả phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

c) Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen sử dụng các hình thức truyền thông sang hình thức sử dụng các nền tảng số, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin trong các giao dịch điện tử của người dân, doanh nghiệp.

d) Ứng dụng các nền tảng số đào tạo trực tuyến do các Bộ, các doanh nghiệp số phát triển để thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ về chuyên môn, về công nghệ thông tin, an toàn thông tin.

7. An toàn thông tin mạng

a) Thực hiện xây dựng, triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ đối với các hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh theo quy định của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP.

b) Đầu tư trang thiết bị bảo mật và thuê dịch vụ an toàn thông tin chuyên nghiệp nhằm bảo đảm an toàn thông tin, phòng chống mã độc theo mô hình tập trung cho các hệ thống thông tin quan trọng của tỉnh. Triển khai các phương án giám sát an toàn thông tin các hệ thống thông tin quan trọng, diễn tập về an toàn thông tin mạng, sao lưu dữ liệu, sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống thông tin sau khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng.

c) Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp.

8. Phát triển Chính quyền số

a) Sử dụng hiệu quả, thống nhất, đồng bộ các hệ thống thông tin dùng chung: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống thư điện tử công vụ, Cổng thông tin điện tử tỉnh, Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính, Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh,... bảo đảm an toàn thông tin khi trao đổi văn bản trên môi trường mạng

b) Triển khai quyết liệt các giải pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình trong việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng hình thức trực tuyến. Tiếp tục triển khai tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.

c) Thực hiện cập nhật dữ liệu thường xuyên Kho dữ liệu cho cá nhân, tổ chức trên hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh giúp người dân, tổ chức thực hiện các dịch vụ công trực tuyến nhanh hơn, thông tin, dữ liệu dễ dàng được tham chiếu, kiểm chứng, người dân không phải cung cấp lại thông tin nhiều lần cho cơ quan nhà nước.

d) Tiếp tục duy trì việc đánh giá chỉ số chuyển đổi số của các sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

9. Phát triển Kinh tế số

a) Đẩy mạnh phát triển cửa hàng số và tài khoản thanh toán điện tử cho hộ kinh doanh; chuyển dịch từ thương mại truyền thống sang phương thức ứng dụng các nền tảng số trong tiêu thụ sản phẩm nông sản, giao dịch mua bán,...

b) Triển khai các chương trình, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, ứng dụng các giải pháp số (quản lý, marketing, vận hành, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử...).

c) Khuyến khích doanh nghiệp tham gia các chuỗi cung ứng số, xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ thông qua nền tảng số toàn cầu.

d) Xây dựng, phát triển bền vững thị trường thương mại số, đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng; xây dựng hạ tầng số, dịch vụ và ứng dụng các nền tảng thanh toán trực tuyến để hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm

địa phương, phát triển thương mại điện tử, kết nối với doanh nghiệp trong nước và quốc tế.

đ) Hỗ trợ, hướng dẫn các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã, hộ kinh doanh thực hiện truy xuất nguồn gốc một bước trước một bước sau. Khuyến khích các sàn thương mại điện tử cam minh bạch hàng hóa đảm bảo sản phẩm an toàn để phát triển nền kinh tế số bền vững

10. Phát triển Xã hội số

a) Đẩy mạnh tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông đến người dân và doanh nghiệp về các lợi ích đem lại khi ứng dụng các nền tảng số trong mọi mặt kinh tế - xã hội. Đưa vào đào tạo ứng dụng kỹ năng số trong giáo dục phổ thông, phổ cập kỹ năng số cho người dân trên các ứng dụng trực tuyến, chú trọng ưu tiên các nhiệm vụ chuyển đổi số trong các lĩnh vực xã hội: giáo dục, y tế, giao thông, môi trường.

b) Hướng dẫn người dân sử dụng các ứng dụng trực tuyến như Nền tảng học trực tuyến mở đại trà để tiếp cận, học tập, phát triển, ứng dụng các kỹ năng số trong mọi mặt đời sống xã hội.

c) Đẩy mạnh hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng (Tổ đề án 06), trong đó Tổ công nghệ số cộng đồng tiếp tục hướng dẫn người dân các kỹ năng số cơ bản, tiêu biểu như: (1) Sử dụng dịch vụ công trực tuyến; (2) Mua sắm trực tuyến gắn với bảo vệ dữ liệu cá nhân; (3) Thanh toán trực tuyến an toàn; (4) Tự bảo vệ mình trên không gian mạng; (5) Sử dụng nền tảng số đặc thù của địa phương trong các lĩnh vực: Nông nghiệp, Du lịch, Logistics, Y tế, Giáo dục,...

d) Phát triển, ứng dụng các nền tảng số tại bệnh viện; hỗ trợ công tác khám, chữa bệnh tại chỗ và từ xa; ứng dụng hồ sơ bệnh án điện tử; ứng dụng thanh toán viện phí không dùng tiền mặt, phát triển hình thành kho dữ liệu ngành y tế; triển khai Hệ thống điều phối dữ liệu y tế với các bệnh viện trên địa bàn tỉnh để khai thác, sử dụng dữ liệu y tế.

III. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

a) Đẩy mạnh công tác truyền thông về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân với nhiều hình thức tuyên truyền như: xây dựng chuyên trang, chuyên mục, mạng xã hội, phóng sự truyền thành truyền hình, tọa đàm, hội thảo và các giải pháp truyền thông hiện đại để tuyên truyền rộng rãi các hoạt động ứng dụng và phát triển CNTT của tỉnh; nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen hành vi, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

b) Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ số; đưa nội dung đào tạo kỹ năng số vào chương trình giảng dạy trong trường học; xây dựng, ứng dụng các nền tảng đào tạo kỹ năng số cho người dân, doanh nghiệp.

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

a) Tiếp tục phối hợp với các doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân và doanh nghiệp, như: Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích trên nhiều nền tảng số khác nhau.

b) Thực hiện gắn kết chặt chẽ giữa cải cách thủ tục hành chính với phát triển Chính quyền số; rà soát các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ trong các cơ quan nhà nước theo hướng đơn giản hóa hoặc thay đổi phù hợp để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số; rà soát loại bỏ một số thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ khi ứng dụng công nghệ số.

3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

a) Triển khai nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ mới, các giải pháp tích hợp, ứng dụng, sản phẩm CNTT phục vụ xây dựng Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, từng bước xây dựng đô thị thông minh.

b) Tăng cường hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm với một số tỉnh, thành phố về cơ chế, chính sách phát triển chính quyền số. Chủ động hợp tác với các doanh nghiệp viễn thông và CNTT để triển khai hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng và phát triển công nghệ hiện đại.

4. Thu hút nguồn lực công nghệ thông tin

a) Ưu tiên sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác nhằm đa dạng hóa nguồn lực để phát triển chính quyền số; tăng cường thực hiện giải pháp thuê dịch vụ CNTT.

b) Ưu tiên bố trí đầu tư công để thực hiện các dự án phát triển hạ tầng, cơ sở dữ liệu, nền tảng, các ứng dụng, dịch vụ của tỉnh

c) Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho ứng dụng CNTT, chuyển đổi số để nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

5. Giải pháp tổ chức, triển khai

a) Tăng cường hoạt động Ban Chỉ đạo phát triển khoa học kỹ thuật, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số các cấp trong công tác chỉ đạo, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, theo dõi, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chung về chuyển đổi số.

b) Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị các cấp, phát huy tối đa vai trò quản lý nhà nước, tổ chức triển khai ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan, đơn vị.

c) Tiếp tục kiện toàn và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin về đảm bảo an toàn thông tin mạng, phòng chống tấn công mạng, ứng cứu sự cố an ninh mạng tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

d) Tăng cường xây dựng các giải pháp cụ thể để đưa chuyển đổi số đến tay người sản xuất để người sản xuất có thể tự thao tác; đơn giản hoá thao tác để người

sản xuất có thể sử dụng được những dịch vụ, nền tảng số

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ nguồn ngân sách Trung ương (nếu có), ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành, nguồn thu sự nghiệp, nguồn huy động, đóng góp, tài trợ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

V. DANH MỤC CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

Chi tiết các chỉ tiêu, nhiệm vụ, dự án thực hiện năm 2026 tại các Phụ lục kèm theo.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Có trách nhiệm tham mưu, hướng dẫn, đôn đốc, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này; định kỳ 6 tháng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

b) Nghiên cứu, đề xuất, đặt hàng, tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin mạng.

c) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh, các hệ thống thông tin của các ngành, lĩnh vực trong nội bộ tỉnh qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP), với các Bộ, ngành Trung ương qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP).

d) Triển khai, phối hợp triển khai công tác bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước về chuyển đổi số.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; triển khai các nhiệm vụ đẩy mạnh chuyển đổi số phục vụ công tác báo cáo, chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc chuẩn hóa danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đảm bảo đồng bộ danh mục thủ tục hành chính với cổng Dịch vụ công quốc gia.

c) Phối hợp các sở, ban, ngành thực hiện rà soát các thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình và ban hành danh mục thủ tục hành chính được cung cấp trực tuyến toàn trình (tiếp nhận hồ sơ và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính đều được thực hiện trên môi trường mạng, việc trả kết quả được thực hiện trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích) trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. Có các giải pháp hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến thiết thực, hiệu quả.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan đơn vị liên quan nâng cao hiệu quả hoạt động các Cổng Thông tin điện tử tỉnh và các cổng thành viên, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ bố trí vốn cho các chương trình, dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số của tỉnh.

b) Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính tham mưu cấp có thẩm quyền đảm bảo kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật NSNN và các quy định pháp luật hiện hành

4. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin các cấp; xây dựng các chương trình nâng cao nhận thức, phổ cập kiến thức về công nghệ thông tin cho các lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức trong tỉnh, hướng dẫn quy trình tạo lập, chuẩn hóa hồ sơ điện tử của cấp xã.

5. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thúc đẩy phát triển thương mại điện tử, chuyển đổi số, đặc biệt là thương mại điện tử vùng nông thôn, hỗ trợ bà con nông dân đưa các sản phẩm nông nghiệp quảng bá, giới thiệu, bán trên các sàn thương mại điện tử.

6. Công an tỉnh

Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện các nội dung thuộc Đề án 06, đảm bảo an toàn thông tin mạng, an toàn an ninh mạng các hệ thống thông tin quan trọng của tỉnh.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch

Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng nội dung các tin, bài viết, video,... về chuyển đổi số để tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên hệ thống truyền thanh cơ sở và các nền tảng mạng xã hội.

8. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Người đứng đầu cơ quan, đơn vị chỉ đạo quyết liệt việc ứng dụng chuyển đổi số trong thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị. Thực hiện sử dụng chữ ký số để ký số đối với kết quả giải quyết thủ tục hành chính, văn bản điện tử; Tăng cường cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP.

b) Phối hợp chặt chẽ với Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng hạ tầng kỹ thuật và ứng dụng CNTT của đơn vị; triển khai đầu tư các hạng mục phù hợp, khoa học, đồng bộ, đảm bảo tuân thủ các quy định của nhà nước và Kiến trúc số tỉnh Hưng Yên.

9. Đề nghị Ngân hàng nhà nước Chi nhánh khu vực 12

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tích cực thực hiện công tác chuyển đổi số theo định hướng phát triển của ngành; tăng cường phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai áp dụng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt, thanh toán số.

Yêu cầu các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện, khó khăn, vướng mắc phát sinh (qua Sở Khoa học và Công nghệ trước ngày 15/11/2026 để tổng hợp, báo cáo)./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Ngân hàng nhà nước CN khu vực 12;
- UBND các xã, phường;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Nghiêm

Phụ lục 01
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH HƯNG YÊN NĂM 2026
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /12 /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

TT	Chỉ tiêu thực hiện	Đơn vị chủ trì, theo dõi, đôn đốc	Đơn vị phối hợp
1	Tiếp tục hoàn thiện chính sách phục vụ chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Hưng Yên.	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Duy trì Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của tỉnh kết nối các cơ quan nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường
3	Đầu tư, nâng cấp, duy trì hoạt động hạ tầng kỹ thuật, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các ngành, lĩnh vực	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ
4	100% văn bản điện tử gửi, nhận trên môi trường mạng được ký số đầy đủ theo quy định của nhà nước (trừ văn bản mật thuộc phạm vi bí mật nhà nước)	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ
5	100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ
6	100% công tác báo cáo, các chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo tỉnh (không bao gồm nội dung mật) được tạo lập, cập nhật, lưu giữ, trên hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh
7	Tiếp tục thực hiện số hóa hồ sơ, tài liệu, thực hiện toàn bộ các hoạt động xử lý hồ sơ, công việc, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, các ứng dụng tiện ích chất lượng cao phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị tại địa bàn tỉnh phục vụ cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp trên môi trường số	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ
8	70% cuộc giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý được thực hiện qua môi trường mạng (bằng hình thức báo cáo và trực tiếp trên các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh).	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Thanh tra tỉnh
9	Thực hiện chuẩn hóa, đơn giản hóa quy trình đối với 100% các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh để cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đảm bảo đồng bộ	Các sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh

	dan mục thủ tục hành chính với cổng Dịch vụ công quốc gia		
10	90% thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.	Các sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh
11	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết bằng hình thức trực tuyến toàn trình đạt từ 80% trở lên (đối với các thủ tục hành chính cung cấp trực tuyến toàn trình); trên 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh
12	Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID đạt 100%	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Công an tỉnh
13	- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100% - Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh
14	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt 100%	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh
15	100% cổng/trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước tỉnh Hưng Yên cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh
16	- Tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt đạt tối thiểu 80% - Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt tối thiểu 95%	Ngân hàng nhà nước chi nhánh Hưng Yên; Các ngân hàng thương mại đóng trên địa bàn tỉnh	UBND các xã, phường
17	Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử đạt tối thiểu 95%	Sở Y tế	UBND các xã, phường
18	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt tối thiểu 60%	Sở Khoa học và Công nghệ; Các doanh nghiệp cung cấp chữ ký số	UBND các xã, phường
19	100% hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị trước khi đưa vào sử dụng phải xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Công an tỉnh

20	100% các hệ thống thông tin của tỉnh được giám sát, cảnh báo về an toàn thông tin.	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành
21	100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng cơ bản về kỹ năng số, an toàn thông tin.	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Công an tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ

Phụ lục 02
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ GIAO CHỦ TRÌ THỰC HIỆN NĂM 2026
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / 12 /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

TT	Nhiệm vụ giao tại phần II	Đơn vị chủ trì, theo dõi, đôn đốc	Đơn vị phối hợp
1	Mục 1, điểm b	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường
2	Mục 1, điểm a	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường
3	Mục 2, điểm a	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ
4	Mục 2, điểm b	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường
5	Mục 2, điểm c	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ
6	Mục 3, điểm a	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ
7	Mục 3, điểm b, c	Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường
8	Mục 3, điểm d	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường
9	Mục 4, điểm a, b	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ
10	Mục 5, điểm a, b, c	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ
11	Mục 6, điểm a, b, d	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Công an tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ
12	Mục 6, điểm c	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Sở văn hóa, Thể thao và Du lịch
13	Mục 7, điểm a, b, c	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Công an tỉnh
14	Mục 8, điểm a	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh

15	Mục 8, điểm b, c	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh
16	Mục 8, điểm d	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường
17	Mục 9, điểm a, b, c, d	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Sở Công thương, Ngân hàng nhà nước chi nhánh Hưng Yên, Sở Tài chính
18	Mục 10, điểm a, b	Sở văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ
19	Mục 10, điểm c	UBND các xã, phường	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ
20	Mục 10, điểm d	Sở Y tế	UBND các xã, phường, Các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh

Phụ lục 03
TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN,
CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH HƯNG YÊN NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / 12 /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

TT	Đơn vị	Nhiệm vụ triển khai năm 2026
I	Các nhiệm vụ chung	
1	Các sở, ban, ngành	1. Duy trì hoạt động các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đang được khai thác sử dụng 2. Bổ sung, nâng cấp trang thiết bị công nghệ thông tin cho hạ tầng kỹ thuật, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu được khai thác sử dụng (máy tính, máy in, thiết bị mạng,...) 3. Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho CBCCVC về kỹ năng số, an toàn thông tin mạng
2	UBND các xã, phường	1. Bổ sung, nâng cấp trang thiết bị công nghệ thông tin cho hạ tầng kỹ thuật (máy tính, máy in, thiết bị mạng,...) 2. Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, tuyên truyền cho CBCCVC và người dân về chuyển đổi số 3. Xây dựng, phát triển đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông được phê duyệt bố trí kinh phí thực hiện năm 2026 4. Ứng dụng CNTT trong quản lý và dạy học tại các cơ sở giáo dục trực thuộc
II	Nhiệm vụ cụ thể từng của cơ quan, đơn vị	
1	Sở Khoa học và Công nghệ	1. Thuê phần mềm quản lý văn bản và điều hành giai đoạn 2026-2029 2. Thuê trực kết nối, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) 3. Thuê hệ thống xác thực tập trung (SSO) giai đoạn 2026-2029 4. Thuê đường truyền số liệu chuyên số liệu chuyên dùng cấp II giai đoạn 2026 (02 đường truyền/1 đơn vị) 5. Thuê nền tảng trợ lý ảo cho cán bộ công chức, viên chức giai đoạn 2025-2028 6. Thuê hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của phần mềm quản lý văn bản và điều hành 2026 7. Thuê kho dữ liệu dùng chung, cổng dữ liệu mở giai đoạn 2025-2030 8. Hệ thống Theo dõi, giám sát NQ57, NQ71 trên địa bàn tỉnh 9. Cập nhật và nâng cấp cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ của tỉnh Hưng Yên 10. Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức nâng cao nhận thức, kỹ năng nghiệp vụ cho cán bộ, viên chức, công chức tỉnh đáp ứng yêu cầu về chuyển đổi số; sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung cấp tỉnh

2	Văn phòng UBND tỉnh	1. Thuê hệ thống trung tâm điều hành thông minh 2. Thuê phần mềm thông tin báo cáo trực tuyến 3. Thuê ứng dụng chatbot trong hệ thống CNTT của Văn phòng 4. Thuê hạ tầng điện toán đám mây và dịch vụ ATTT đảm bảo điều kiện nối CSDL dân cư cho hệ thống IOC 5. Nâng cấp, mở rộng Trung tâm giám sát, điều hành thông minh đến UBND cấp xã 6. Thuê vận hành hệ thống phòng họp không giấy tờ tỉnh Hưng Yên 7. Đảm bảo ATTT cổng thông tin điện tử tỉnh Hưng Yên 8. Chính lý tài liệu để số hóa
3	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	1. Thuê hạ tầng và phần mềm hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh 2. Thuê vận hành khai thác Tổng đài thông tin dịch vụ công 1022 tỉnh 3. Thuê hệ thống Tổng đài thông minh tích hợp với hệ thống Tổng đài 1022 để nâng cấp công tác phục vụ người dân, doanh nghiệp khi giải quyết thủ tục hành chính 4. Thuê nền tảng công dân số
4	Trung tâm Thông tin Hội nghị tỉnh	1. Thuê dịch vụ Cổng thông tin điện tử tỉnh Hưng Yên đáp ứng NĐ 42/2022/NĐ-CP giai đoạn 2024-2026 2. Thuê hạ tầng vận hành Hệ thống quản lý điều hành các hoạt động của HĐND tỉnh trên nền tảng số đáp ứng ATTT hồ sơ cấp độ NĐ 85 Chính phủ
5	Sở Nội vụ	1. Nâng cấp mở rộng phần mềm chấm điểm CCHC, DDCI, PAPI 2. Số hóa hồ sơ người có công với cách mạng 3. Thuê dịch vụ CNTT để duy trì, quản lý, khai thác và sử dụng phần mềm quản lý CB, CC, VC tỉnh Hưng Yên 4. Xây dựng phần mềm chấm điểm kết quả thực hiện dân vận chính quyền, chính quyền phục vụ người dân, doanh nghiệp 5. Đề án số hóa tài liệu lưu trữ lịch sử tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2025-2030 6. Số hóa tài liệu lưu trữ cấp huyện
6	Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh	1. Số hóa tạo lập dữ liệu tài liệu điện tử vĩnh viễn phong lưu trữ UBND tỉnh 2. Số hóa tài liệu một số phong lưu trữ

7	Công an tỉnh	1. Xây dựng và nâng cấp hệ thống trung tâm giám sát và điều hành an ninh mạng (SOC) 2. Tổ chức phương án ứng cứu sự cố an toàn thông tin, tập huấn liên quan đến an toàn, an ninh mạng 3. Xây dựng trợ lý ảo Tổng hợp sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) Offline đánh giá phân tích tổng hợp tình hình an ninh trật tự, thúc đẩy công tác CDS. 4. Định danh tổ chức, doanh nghiệp và kinh tế hộ gia đình 5. Lắp đặt mạng máy tính bảo mật tới các đơn vị ngoài trụ sở Công an tỉnh 6. Kinh phí thuê thiết bị kênh truyền, dịch vụ thông tin, vận hành hệ thống camera giám sát giao thông, an ninh 7. Kinh phí thuê kênh truyền kết nối các hệ thống camera với Trung tâm IOC tỉnh 8. Xây dựng triển khai hệ thống phần mềm ứng dụng AI dựa trên dữ liệu lớn “Hệ thống AI giám sát và phân tích thông tin không gian mạng”.
8	Sở xây dựng	1. Số hóa dữ liệu, sử dụng dữ liệu số thay thế hồ sơ, giấy tờ cũ trong hoạt động dịch vụ công và công tác chỉ đạo, điều hành
9	Sở Công thương	1. Triển khai thực hiện chương trình thương mại điện tử tỉnh Hưng Yên 2. Nâng cấp Cơ sở dữ liệu ngành Công thương 3. Xây dựng phần mềm quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh sử dụng, tồn chức hóa chất tại các DN sx, kinh doanh trong lĩnh vực Công thương 4. Mua sắm máy tính 5. Triển khai phần mềm Quản lý ATTP trên địa bàn tỉnh 6. Số hóa tài liệu bổ sung vào hệ thống khai thác dữ liệu số thuộc CSDL ngành Công thương 7. Xây dựng cơ sở dữ liệu các khu, cụm công nghiệp và khu kinh tế trên địa bàn tỉnh
10	Sở Tư pháp	1. Xây dựng trung tâm dữ liệu số Ngành Tư pháp Hưng Yên 2. Xây dựng Phần mềm cơ sở dữ liệu về Hòa giải ở cơ sở và áp dụng AI trong tra cứu và từ văn hòa giải cơ sở 3. Xây dựng hệ thống đấu giá trực tuyến tỉnh Hưng Yên 4. Xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu vi bằng trên địa bàn tỉnh
11	Sở Tài chính (Văn phòng Sở và đơn vị trực thuộc)	1. Nâng cấp hạ tầng dự án công nghệ thông tin ngành tài chính 2. Xây dựng kho dữ liệu tổng hợp ngành tài chính 3. Giải pháp chuyển đổi số phục vụ thực hiện công tác xúc tiến đầu tư
12	Thanh tra tỉnh	1. Mua sắm trang thiết bị tin học 2. Thực hiện số hóa tài liệu, hồ sơ lưu trữ

13	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1. Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh 2. Thuê hệ thống Công Du lịch thông minh và Ứng dụng Du lịch thông minh trên thiết bị di động tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2029 3. Số hóa 3D/360 các điểm di tích giai đoạn 4 năm 2026 4. Thuê dịch vụ CNTT phần mềm giám sát nội dung thông tin mạng liên quan tới tỉnh HY 5. Trang Thông tin điện tử Đối ngoại Hưng Yên
14	Sở Y tế	1. Triển khai Bệnh án điện tử tại các cơ sở KBCB công lập 2. Hệ thống lưu trữ và truyền hình ảnh trong y khoa (PACS) tập trung 3. Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành y tế phục vụ cải cách hành chính 4. Xây dựng hệ thống điều phối dữ liệu với các bệnh viện trên địa bàn tỉnh để khai thác, sử dụng dữ liệu y tế 5. Xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin theo cấp độ cho các cơ sở khám chữa bệnh (40 đơn vị) 6. Triển khai hệ thống hồ sơ sức khỏe điện tử trên địa bàn toàn tỉnh 7. Xây dựng trung tâm dữ liệu ngành Y tế 8. Triển khai cổng dịch vụ công đăng ký khám chữa bệnh từ xa
15	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Văn phòng sở và các đơn vị trực thuộc)	1. Tập huấn chuyển đổi số Ngành Nông nghiệp và Môi trường 2. Duy trì và phát triển hệ thống thông tin điện tử hy.check.net truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông lâm sản đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên 3. Thuê ứng dụng viễn thám trong thống kê diện tích lúa trên địa bàn tỉnh HY 4. Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) và trí tuệ nhân tạo (AI) vào công tác quản lý, điều hành lĩnh vực lâm nghiệp tại tỉnh HY 5. Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) và trí tuệ nhân tạo (AI) vào công tác quản lý, điều hành lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật tại tỉnh HY 6. Chuyển đổi số, lắp đặt hệ thống kết nối giám sát công tác Phòng, chống thiên tai với các cảng cá, khu neo đậu tàu thuyền và 1 số công trình đê điều thủy lợi

16	Sở Giáo dục và Đào tạo	1. Triển khai hệ thống CSDL ngành và trực tích hợp chia sẻ dữ liệu địa phương ngành giáo dục 2. Triển khai hệ thống quản lý hợp và điều hành tác nghiệp ngành giáo dục 3. Tiếp tục số hóa dữ liệu và nâng cấp quản lý dữ liệu số hóa ngành giáo dục và đào tạo (Tiếp tục sau khi thực hiện QĐ 628) 4. Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn về CNTT, CDS cho giáo viên, cán bộ quản lý, học viên 5. Triển khai học bạ số cấp tiểu học, THCS, THPT, GDTX 6. Triển khai hệ thống tuyển sinh đầu cấp cơ sở giáo dục cấp mầm non, Tiểu học, THCS 7. Triển khai phần mềm tuyển sinh đầu cấp, phần mềm quản lý thi tuyển sinh vào lớp 10, phần mềm thi trực tuyến 8. Phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên 9. Trang bị phần mềm thư viện điện tử từ mầm non đến THPT
17	Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh	Mua sắm thiết bị công nghệ thông tin, màn hình LED
18	Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Bình	1. Nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo 2. Bồi dưỡng cán bộ giáo viên về CDS, ứng dụng AI
19	Hội Chữ thập đỏ tỉnh	Xây dựng phần mềm Cơ sở dữ liệu vận động hiến máu tình nguyện tỉnh HY
20	Trường Chính trị Nguyễn Văn Linh	1. Phần mềm quản lý hệ thống trường 2. Mua sắm, bổ sung, nâng cấp trang thiết bị CNTT
21	Báo và Phát thanh truyền hình tỉnh Hưng Yên	Thuê dịch vụ truyền dẫn phát sóng kênh truyền hình HY trên truyền hình hạ tầng kỹ thuật số vệ tinh Vinasat 2 tiêu chuẩn HD giai đoạn 2025 -2030
22	Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh	1. Mua máy tính xách tay 2. Mua phần mềm diệt virus
23	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Xây dựng hệ thống quản lý đất quốc phòng

24	Văn phòng Tỉnh ủy	2. Cung cấp thiết bị mạng an toàn thông tin tại TU và các Đảng ủy TT, các cơ quan tham mưu giúp việc TU 3. Triển khai phòng họp hội nghị truyền hình từ VPTU tới các ĐU trực thuộc và các cp quan tham mưu giúp việc TU 4. Cung cấp máy tính bảng tại các cơ quan Đảng tỉnh Hưng Yên 5. Số hóa tài liệu lưu trữ
25	Ban Nội chính Tỉnh ủy	1. Phần mềm xử lý đơn thư 2. Phần mềm tổng hợp báo cáo